

BẢNG GIÁ BÁN CHI TIẾT
305 căn hộ tại dự án Chung cư nhà ở xã hội
tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside
(Kèm theo Thông báo số: /TB-SXD ngàytháng 9 năm 2025)

STT	TOÀ	TÀNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THỦY	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
1	CT5	20	CH01	CT5-CH20.01	1	45,40	729.169.400	13.888.941	743.058.341
2	CT5	20	CH02	CT5-CH20.02	1	47,00	754.867.000	14.378.419	769.245.419
3	CT5	20	CH03	CT5-CH20.03	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
4	CT5	20	CH04	CT5-CH20.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
5	CT5	20	CH05	CT5-CH20.05	2	59,00	947.599.000	18.049.505	965.648.505
6	CT5	20	CH06	CT5-CH20.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
7	CT5	20	CH07	CT5-CH20.07	1	47,10	756.473.100	14.409.011	770.882.111
8	CT5	20	CH08	CT5-CH20.08	1	47,10	756.473.100	14.409.011	770.882.111
9	CT5	20	CH09	CT5-CH20.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
10	CT5	20	CH10	CT5-CH20.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
11	CT5	20	CH11	CT5-CH20.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
12	CT5	21	CH01	CT5-CH21.01	1	45,40	729.169.400	13.888.941	743.058.341
13	CT5	21	CH02	CT5-CH21.02	1	47,00	754.867.000	14.378.419	769.245.419
14	CT5	21	CH03	CT5-CH21.03	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
15	CT5	21	CH04	CT5-CH21.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
16	CT5	21	CH05	CT5-CH21.05	2	59,00	947.599.000	18.049.505	965.648.505
17	CT5	21	CH06	CT5-CH21.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
18	CT5	21	CH07	CT5-CH21.07	1	47,10	756.473.100	14.409.011	770.882.111
19	CT5	21	CH08	CT5-CH21.08	1	47,10	756.473.100	14.409.011	770.882.111
20	CT5	21	CH09	CT5-CH21.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
21	CT5	21	CH10	CT5-CH21.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
22	CT5	21	CH11	CT5-CH21.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
23	CT5	21	CH12	CT5-CH21.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
24	CT5	21	CH14	CT5-CH21.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
25	CT5	21	CH15	CT5-CH21.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
26	CT5	21	CH16	CT5-CH21.16	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
27	CT6	4	CH10	CT6-CH04.10	1	44,90	721.138.900	13.735.979	734.874.879
28	CT6	5	CH11	CT6-CH05.11	2	58,10	933.144.100	17.774.173	950.918.273
29	CT6	11A	CH01	CT6-CH11A.01	3	69,90	1.122.663.900	21.384.074	1.144.047.974
30	CT6	20	CH14	CT6-CH20.14	1	44,90	721.138.900	13.735.979	734.874.879

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THỦY	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
31	CT7	3	CH01	CT7-CH03.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
32	CT7	3	CH02	CT7-CH03.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
33	CT7	3	CH03	CT7-CH03.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
34	CT7	3	CH04	CT7-CH03.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
35	CT7	3	CH05	CT7-CH03.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
36	CT7	3	CH06	CT7-CH03.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
37	CT7	3	CH07	CT7-CH03.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
38	CT7	3	CH08	CT7-CH03.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
39	CT7	3	CH09	CT7-CH03.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
40	CT7	3	CH10	CT7-CH03.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
41	CT7	3	CH11	CT7-CH03.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
42	CT7	3	CH12	CT7-CH03.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
43	CT7	3	CH14	CT7-CH03.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
44	CT7	3	CH15	CT7-CH03.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
45	CT7	3	CH16	CT7-CH03.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
46	CT7	4	CH01	CT7-CH04.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
47	CT7	4	CH02	CT7-CH04.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
48	CT7	4	CH03	CT7-CH04.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
49	CT7	4	CH04	CT7-CH04.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
50	CT7	4	CH05	CT7-CH04.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
51	CT7	4	CH06	CT7-CH04.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
52	CT7	4	CH07	CT7-CH04.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
53	CT7	4	CH08	CT7-CH04.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
54	CT7	4	CH09	CT7-CH04.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
55	CT7	4	CH10	CT7-CH04.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
56	CT7	4	CH11	CT7-CH04.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
57	CT7	4	CH12	CT7-CH04.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
58	CT7	4	CH14	CT7-CH04.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
59	CT7	4	CH15	CT7-CH04.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
60	CT7	4	CH16	CT7-CH04.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
61	CT7	5	CH01	CT7-CH05.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
62	CT7	5	CH02	CT7-CH05.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
63	CT7	5	CH03	CT7-CH05.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THỦY	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
64	CT7	5	CH04	CT7-CH05.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
65	CT7	5	CH05	CT7-CH05.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
66	CT7	5	CH06	CT7-CH05.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
67	CT7	5	CH07	CT7-CH05.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
68	CT7	5	CH08	CT7-CH05.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
69	CT7	5	CH09	CT7-CH05.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
70	CT7	5	CH10	CT7-CH05.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
71	CT7	5	CH11	CT7-CH05.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
72	CT7	5	CH12	CT7-CH05.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
73	CT7	5	CH14	CT7-CH05.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
74	CT7	5	CH15	CT7-CH05.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
75	CT7	5	CH16	CT7-CH05.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
76	CT7	6	CH01	CT7-CH06.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
77	CT7	6	CH03	CT7-CH06.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
78	CT7	6	CH04	CT7-CH06.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
79	CT7	6	CH05	CT7-CH06.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
80	CT7	6	CH06	CT7-CH06.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
81	CT7	6	CH07	CT7-CH06.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
82	CT7	6	CH08	CT7-CH06.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
83	CT7	6	CH09	CT7-CH06.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
84	CT7	6	CH10	CT7-CH06.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
85	CT7	6	CH11	CT7-CH06.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
86	CT7	6	CH12	CT7-CH06.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
87	CT7	6	CH14	CT7-CH06.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
88	CT7	6	CH15	CT7-CH06.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
89	CT7	6	CH16	CT7-CH06.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
90	CT7	7	CH01	CT7-CH07.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
91	CT7	7	CH02	CT7-CH07.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
92	CT7	7	CH03	CT7-CH07.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
93	CT7	7	CH04	CT7-CH07.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
94	CT7	7	CH05	CT7-CH07.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
95	CT7	7	CH06	CT7-CH07.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
96	CT7	7	CH07	CT7-CH07.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
97	CT7	7	CH08	CT7-CH07.08	1	45,10			

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THỦY	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
							724.351.100	13.797.164	738.148.264
98	CT7	7	CH09	CT7-CH07.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
99	CT7	7	CH10	CT7-CH07.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
100	CT7	7	CH11	CT7-CH07.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
101	CT7	7	CH12	CT7-CH07.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
102	CT7	7	CH14	CT7-CH07.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
103	CT7	7	CH15	CT7-CH07.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
104	CT7	7	CH16	CT7-CH07.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
105	CT7	8	CH01	CT7-CH08.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
106	CT7	8	CH02	CT7-CH08.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
107	CT7	8	CH03	CT7-CH08.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
108	CT7	8	CH04	CT7-CH08.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
109	CT7	8	CH05	CT7-CH08.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
110	CT7	8	CH06	CT7-CH08.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
111	CT7	8	CH07	CT7-CH08.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
112	CT7	8	CH08	CT7-CH08.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
113	CT7	8	CH09	CT7-CH08.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
114	CT7	8	CH10	CT7-CH08.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
115	CT7	8	CH11	CT7-CH08.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
116	CT7	8	CH12	CT7-CH08.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
117	CT7	8	CH14	CT7-CH08.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
118	CT7	8	CH15	CT7-CH08.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
119	CT7	9	CH01	CT7-CH09.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
120	CT7	9	CH02	CT7-CH09.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
121	CT7	9	CH03	CT7-CH09.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
122	CT7	9	CH04	CT7-CH09.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
123	CT7	9	CH05	CT7-CH09.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
124	CT7	9	CH06	CT7-CH09.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
125	CT7	9	CH07	CT7-CH09.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
126	CT7	9	CH09	CT7-CH09.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
127	CT7	9	CH10	CT7-CH09.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
128	CT7	9	CH11	CT7-CH09.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
129	CT7	9	CH12	CT7-CH09.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
130	CT7	9	CH14	CT7-CH09.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THỦY	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
131	CT7	9	CH15	CT7-CH09.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
132	CT7	9	CH16	CT7-CH09.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
133	CT7	10	CH01	CT7-CH10.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
134	CT7	10	CH02	CT7-CH10.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
135	CT7	10	CH03	CT7-CH10.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
136	CT7	10	CH04	CT7-CH10.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
137	CT7	10	CH05	CT7-CH10.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
138	CT7	10	CH06	CT7-CH10.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
139	CT7	10	CH07	CT7-CH10.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
140	CT7	10	CH08	CT7-CH10.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
141	CT7	10	CH09	CT7-CH10.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
142	CT7	10	CH10	CT7-CH10.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
143	CT7	10	CH11	CT7-CH10.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
144	CT7	10	CH12	CT7-CH10.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
145	CT7	10	CH14	CT7-CH10.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
146	CT7	10	CH15	CT7-CH10.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
147	CT7	10	CH16	CT7-CH10.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
148	CT7	11	CH01	CT7-CH11.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
149	CT7	11	CH02	CT7-CH11.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
150	CT7	11	CH03	CT7-CH11.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
151	CT7	11	CH04	CT7-CH11.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
152	CT7	11	CH05	CT7-CH11.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
153	CT7	11	CH06	CT7-CH11.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
154	CT7	11	CH07	CT7-CH11.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
155	CT7	11	CH08	CT7-CH11.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
156	CT7	11	CH09	CT7-CH11.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
157	CT7	11	CH10	CT7-CH11.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
158	CT7	11	CH11	CT7-CH11.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
159	CT7	11	CH12	CT7-CH11.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
160	CT7	11	CH14	CT7-CH11.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
161	CT7	11	CH15	CT7-CH11.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
162	CT7	11	CH16	CT7-CH11.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
163	CT7	11A	CH01	CT7-CH11A.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
164	CT7	11A	CH02	CT7-CH11A.02	1	45,10			

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THUỶ	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
							724.351.100	13.797.164	738.148.264
165	CT7	11A	CH03	CT7-CH11A.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
166	CT7	11A	CH04	CT7-CH11A.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
167	CT7	11A	CH05	CT7-CH11A.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
168	CT7	11A	CH06	CT7-CH11A.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
169	CT7	11A	CH07	CT7-CH11A.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
170	CT7	11A	CH08	CT7-CH11A.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
171	CT7	11A	CH09	CT7-CH11A.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
172	CT7	11A	CH10	CT7-CH11A.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
173	CT7	11A	CH11	CT7-CH11A.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
174	CT7	11A	CH12	CT7-CH11A.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
175	CT7	11A	CH14	CT7-CH11A.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
176	CT7	11A	CH15	CT7-CH11A.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
177	CT7	11A	CH16	CT7-CH11A.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
178	CT7	12	CH01	CT7-CH12.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
179	CT7	12	CH02	CT7-CH12.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
180	CT7	12	CH03	CT7-CH12.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
181	CT7	12	CH04	CT7-CH12.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
182	CT7	12	CH05	CT7-CH12.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
183	CT7	12	CH06	CT7-CH12.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
184	CT7	12	CH07	CT7-CH12.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
185	CT7	12	CH08	CT7-CH12.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
186	CT7	12	CH09	CT7-CH12.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
187	CT7	12	CH10	CT7-CH12.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
188	CT7	12	CH11	CT7-CH12.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
189	CT7	12	CH12	CT7-CH12.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
190	CT7	12	CH14	CT7-CH12.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
191	CT7	12	CH15	CT7-CH12.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
192	CT7	12	CH16	CT7-CH12.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
193	CT7	14	CH01	CT7-CH14.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
194	CT7	14	CH02	CT7-CH14.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
195	CT7	14	CH03	CT7-CH14.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
196	CT7	14	CH04	CT7-CH14.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
197	CT7	14	CH05	CT7-CH14.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THỦY	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
198	CT7	14	CH06	CT7-CH14.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
199	CT7	14	CH07	CT7-CH14.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
200	CT7	14	CH08	CT7-CH14.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
201	CT7	14	CH09	CT7-CH14.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
202	CT7	14	CH10	CT7-CH14.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
203	CT7	14	CH11	CT7-CH14.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
204	CT7	14	CH12	CT7-CH14.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
205	CT7	14	CH14	CT7-CH14.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
206	CT7	14	CH15	CT7-CH14.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
207	CT7	14	CH16	CT7-CH14.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
208	CT7	15	CH01	CT7-CH15.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
209	CT7	15	CH02	CT7-CH15.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
210	CT7	15	CH03	CT7-CH15.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
211	CT7	15	CH04	CT7-CH15.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
212	CT7	15	CH05	CT7-CH15.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
213	CT7	15	CH06	CT7-CH15.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
214	CT7	15	CH07	CT7-CH15.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
215	CT7	15	CH08	CT7-CH15.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
216	CT7	15	CH09	CT7-CH15.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
217	CT7	15	CH10	CT7-CH15.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
218	CT7	15	CH11	CT7-CH15.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
219	CT7	15	CH12	CT7-CH15.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
220	CT7	15	CH14	CT7-CH15.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
221	CT7	15	CH15	CT7-CH15.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
222	CT7	15	CH16	CT7-CH15.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
223	CT7	16	CH01	CT7-CH16.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
224	CT7	16	CH02	CT7-CH16.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
225	CT7	16	CH03	CT7-CH16.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
226	CT7	16	CH04	CT7-CH16.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
227	CT7	16	CH05	CT7-CH16.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
228	CT7	16	CH06	CT7-CH16.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
229	CT7	16	CH07	CT7-CH16.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
230	CT7	16	CH08	CT7-CH16.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
231	CT7	16	CH09	CT7-CH16.09	2	59,30			

STT	TOÀ	TÀNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THUỶ	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
							952.417.300	18.141.282	970.558.582
232	CT7	16	CH10	CT7-CH16.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
233	CT7	16	CH11	CT7-CH16.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
234	CT7	16	CH12	CT7-CH16.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
235	CT7	16	CH14	CT7-CH16.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
236	CT7	16	CH15	CT7-CH16.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
237	CT7	16	CH16	CT7-CH16.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
238	CT7	17	CH01	CT7-CH17.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
239	CT7	17	CH02	CT7-CH17.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
240	CT7	17	CH03	CT7-CH17.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
241	CT7	17	CH04	CT7-CH17.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
242	CT7	17	CH05	CT7-CH17.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
243	CT7	17	CH06	CT7-CH17.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
244	CT7	17	CH07	CT7-CH17.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
245	CT7	17	CH08	CT7-CH17.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
246	CT7	17	CH09	CT7-CH17.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
247	CT7	17	CH10	CT7-CH17.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
248	CT7	17	CH11	CT7-CH17.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
249	CT7	17	CH12	CT7-CH17.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
250	CT7	17	CH14	CT7-CH17.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
251	CT7	17	CH15	CT7-CH17.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
252	CT7	17	CH16	CT7-CH17.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
253	CT7	18	CH01	CT7-CH18.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
254	CT7	18	CH02	CT7-CH18.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
255	CT7	18	CH03	CT7-CH18.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
256	CT7	18	CH04	CT7-CH18.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
257	CT7	18	CH05	CT7-CH18.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
258	CT7	18	CH06	CT7-CH18.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
259	CT7	18	CH07	CT7-CH18.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
260	CT7	18	CH08	CT7-CH18.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
261	CT7	18	CH09	CT7-CH18.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
262	CT7	18	CH10	CT7-CH18.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
263	CT7	18	CH11	CT7-CH18.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
264	CT7	18	CH12	CT7-CH18.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THUỶ	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
265	CT7	18	CH14	CT7-CH18.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
266	CT7	18	CH15	CT7-CH18.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
267	CT7	18	CH16	CT7-CH18.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
268	CT7	19	CH01	CT7-CH19.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
269	CT7	19	CH02	CT7-CH19.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
270	CT7	19	CH03	CT7-CH19.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
271	CT7	19	CH04	CT7-CH19.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
272	CT7	19	CH05	CT7-CH19.05	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
273	CT7	19	CH06	CT7-CH19.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
274	CT7	19	CH07	CT7-CH19.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
275	CT7	19	CH08	CT7-CH19.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
276	CT7	19	CH09	CT7-CH19.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
277	CT7	19	CH10	CT7-CH19.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
278	CT7	19	CH11	CT7-CH19.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
279	CT7	19	CH12	CT7-CH19.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
280	CT7	19	CH14	CT7-CH19.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
281	CT7	19	CH15	CT7-CH19.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
282	CT7	19	CH16	CT7-CH19.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
283	CT7	20	CH01	CT7-CH20.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
284	CT7	20	CH02	CT7-CH20.02	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
285	CT7	20	CH03	CT7-CH20.03	2	58,50	939.568.500	17.896.543	957.465.043
286	CT7	20	CH04	CT7-CH20.04	2	58,90	945.992.900	18.018.912	964.011.812
287	CT7	20	CH06	CT7-CH20.06	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
288	CT7	20	CH07	CT7-CH20.07	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
289	CT7	20	CH08	CT7-CH20.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
290	CT7	20	CH09	CT7-CH20.09	2	59,30	952.417.300	18.141.282	970.558.582
291	CT7	20	CH10	CT7-CH20.10	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
292	CT7	20	CH11	CT7-CH20.11	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
293	CT7	20	CH12	CT7-CH20.12	2	59,60	957.235.600	18.233.059	975.468.659
294	CT7	20	CH14	CT7-CH20.14	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
295	CT7	20	CH15	CT7-CH20.15	3	69,60	1.117.845.600	21.292.297	1.139.137.897
296	CT7	20	CH16	CT7-CH20.16	1	50,40	809.474.400	15.418.560	824.892.960
297	CT8	4	CH01	CT8-CH04.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THÔNG THUỶ	GIÁ BÁN CĂN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
298	CT8	5	CH01	CT8-CH05.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
299	CT8	17	CH01	CT8-CH17.01	1	44,50	714.714.500	13.613.610	728.328.110
300	CT8	18	CH08	CT8-CH18.08	1	45,10	724.351.100	13.797.164	738.148.264
301	CT9	11	CH14	CT9-CH11.14	1	44,90	721.138.900	13.735.979	734.874.879
302	CT9	12	CH09	CT9-CH12.09	3	69,90	1.122.663.900	21.384.074	1.144.047.974
303	CT9	19	CH07	CT9-CH19.07	2	57,50	923.507.500	17.590.619	941.098.119
304	CT9	20	CH10	CT9-CH20.10	1	44,90	721.138.900	13.735.979	734.874.879
305	CT9	20	CH14	CT9-CH20.14	1	44,90	721.138.900	13.735.979	734.874.879